

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

Căn cứ vào Điều 144, khoản 2 Điều 149, các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, giữa người yêu cầu:

1/ Anh Trần Viết Đ, sinh năm 1993.

2/ Chị Phạm Thị Bích N, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số C T, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Trần Viết Đ và chị Phạm Thị Bích N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Viết Đ và chị Phạm Thị Bích N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 11/4/2019. Quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh Đ và chị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Viết Tấn P, sinh ngày 10/01/2020. Anh chị thỏa thuận, khi ly hôn, anh Đ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng sống tự lập được. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Anh Trần Viết Đ phải chịu 150.000 đồng, chị Phạm Thị Bích N phải chịu 150.000 đồng. Chị N nhận chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Viết Đ và chị Phạm Thị Bích N thỏa thuận – thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Viết Tấn P, sinh ngày 10/01/2020 cho anh Trần Viết Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng sống tự lập được.

Anh Trần Viết Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Phạm Thị Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Anh Trần Viết Đ phải chịu 150.000 đồng, chị Phạm Thị Bích N phải chịu 150.000 đồng. Chị N nhận chịu toàn bộ lệ phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000402 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Kon Tum;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Kon Tum;
- UBND p. Duy Tân, TP Kon Tum;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

ĐỒNG THỊ BÌNH